

Số: 153/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái và dịch vụ hồ Rợn tại xóm Rợn, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái và dịch vụ hồ Rợn tại xóm Rợn, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái và dịch vụ hồ Rợn tại xóm Rợn, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Tên dự án: Khu du lịch sinh thái và dịch vụ hồ Rợn.
2. Tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng: **43,72 ha**
3. Địa điểm, vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:
 - a) Địa điểm: Xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

b) Vị trí: Tại tiểu khu 4933: các khoảnh 2, 3 gồm 34 lô.

(Kèm theo Biểu chi tiết Khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng; trích lục tiểu khu, khoảnh, lô từ Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

4. Chức năng rừng: 42,35 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất; 1,37 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng nhưng chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.

5. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng và đất chưa có rừng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, hiện trạng rừng tại hồ sơ trình kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./..*B.H.*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: NN& PTNT, KH&ĐT, TN&MT; XD;
- HĐND, UBND thành phố Hòa Bình;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (M, Th).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

BIỂU VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DU LỊCH SINH THÁI VÀ DỊCH VỤ HỒ RỌN TẠI XÃ QUANG TIẾN, THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Rừng trồng						Đất chưa có rừng		Ghi chú
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng	Diện tích (ha)	Trạng thái	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	4933	2	6	SX	3,52	3,52	3,52	rtg	158,40		keo	2019			
2	4933	2	8	Ngh	0,02	0,02	0,02	rtg	0,90		keo	2019			Chưa có QĐ chuyển đổi
3	4933	2	20	SX	1,25	1,25	1,25	rtg	56,25		keo	2019			
4	4933	2	22	Ngh	0,03	0,03	0,03	rtg	1,35		keo	2019			Chưa có QĐ chuyển đổi
5	4933	2	23	Ngh	0,04								0,04	dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
6	4933	2	24	SX	4,74	4,74	4,74	rtg	213,30		keo	2019			
7	4933	2	25	SX	1,37	1,37	1,37	rtg	61,65		keo	2019			
8	4933	2	1a	SX	2,53	2,53	2,53	rtg	113,85		keo	2019			
9	4933	2	24a	SX	0,60	0,60	0,60	rtg	27,00		keo	2019			
10	4933	2	24b	SX	0,33	0,33	0,33	rtg	14,85		keo	2019			
11	4933	2	24c	SX	1,35	1,35	1,35	rtg	60,75		keo	2019			
12	4933	2	24d	Ngh	0,01	0,01	0,01	rtg	0,45		keo	2019			Chưa có QĐ chuyển đổi
13	4933	2	25a	SX	0,04	0,04	0,04	rtg	1,80		keo	2019			
14	4933	2	4a	SX	1,67	1,67	1,67	rtg	75,15		keo	2019			
15	4933	2	7a	Ngh	0,02	0,02	0,02	rtg	0,90		keo	2019			Chưa có QĐ chuyển đổi
16	4933	2	9a	SX	1,14	1,14	1,14	rtg	51,30		keo	2019			
17	4933	3	3	SX	0,47	0,47	0,47	rtg	21,15		keo	2019			
18	4933	3	4	SX	0,70	0,70	0,70	rtg	31,50		keo	2019			
19	4933	3	6	SX	2,14	2,14	2,14	rtg	96,30		keo	2019			
20	4933	3	7	SX	0,20	0,20	0,20	rtg	9,00		keo	2019			

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Rừng trồng						Đất chưa có rừng		Ghi chú
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m ³ /lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng	Diện tích (ha)	Trạng thái	
21	4933	3	10	Ngh	1,02								1,02	dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
22	4933	3	27	SX	2,92	2,92	2,92	rtg	131,40	467	keo	2019			
23	4933	3	30	SX	1,98	1,98	1,98	rtg	89,10		keo	2019			
24	4933	3	31	SX	0,14	0,14	0,14	rtg	6,30		keo	2019			
25	4933	3	32	Ngh	0,23	0,23	0,23	rtg	10,35		keo	2019			Chưa có QĐ chuyển đổi
26	4933	3	33	SX	2,51	2,51	2,51	rtg	112,95		keo	2019			
27	4933	3	34	SX	0,11	0,11	0,11	rtg	4,95		keo	2019			
28	4933	3	35	SX	0,10	0,10	0,10	rtg	4,50		keo	2019			
29	4933	3	28a	SX	1,39	1,39	1,39	rtg	62,55		keo	2019			
30	4933	3	2a	SX	7,36	7,36	7,36	rtg	331,20		keo	2019			
31	4933	3	30a	SX	0,01	0,01	0,01	rtg	0,45		keo	2019			
32	4933	3	30b	SX	0,04	0,04	0,04	rtg	1,80		keo	2019			
33	4933	3	5a	SX	2,90	2,90	2,90	rtg	130,50		keo	2019			
34	4933	3	8a	SX	0,84	0,84	0,84	rtg	37,80		keo	2019			
Tổng					43,72	42,66	42,66		1919,70	467			1,06		

Ghi chú:

- Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 43,72 ha; hiện trạng có 42,66 ha rừng trồng; 1,06 ha diện tích chưa có rừng. Trong đó:

+ Có 42,35 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng.

+ Có 1,37 ha ngoài quy hoạch ba loại rừng (chưa có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng) thuộc đối tượng phải chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ); hiện trạng có: 0,31 ha rừng trồng; 1,06 ha diện tích chưa có rừng.

- Trữ lượng 42,66 ha rừng trồng keo: 1919,7 m³ gỗ.

- Chữ viết tắt: Tiểu khu (TK); Khoảnh (K); Lô (L); Quy hoạch rừng sản xuất (SX); Ngoài quy hoạch 3 loại rừng (Ngh); Rừng trồng gỗ (rtg); Diện tích chưa có rừng (dkh).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH